

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 10-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Quý Nam,

Bà Hoàng Thị Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Linh Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1983 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ 18, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Bá T (Đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960; có chồng Tạ Văn H (Đã chết) và 02 con; tiền án: có 02 tiền án (Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”); tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giam ngày 01 tháng 3 năm 2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Hà Tiến D, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1974 tại huyện BL, tỉnh Cao

Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H1, sinh năm 1946 và bà Lục Thị P, sinh năm 1949; có vợ Phạm Thị T và 01 con; tiền án: 01 tiền án (Năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng xử phạt 54 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”), tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giam ngày 01 tháng 3 năm 2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

3. Đàm Thị B, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1975 tại huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 02, phường L, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở: Tổ 7, Phường Q, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn S (Đã chết) và bà Ngô Thị C, sinh năm 1944; có chồng Nguyễn Toàn T, sinh năm 1968 và 02 con; tiền án: 03 tiền án (Năm 1998, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 24 tháng tù về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; năm 1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; năm 2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 16 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”), tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giam ngày 02 tháng 3 năm 2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

4. Phạm Đức T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1987 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ 03, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Viết B, sinh năm 1955 và bà Trần Thị L, sinh năm 1959; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 tiền án (Năm 2017, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”); tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giam ngày 01 tháng 3 năm 2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H:* Bà Trần Thị O, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng (Bào chữa cho

bị cáo theo quy định của pháp luật). Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Tiến D:* Bà Đinh Thị A, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đinh Thị A - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng (Bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật). Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đàm Thị B:* Ông Bùi Văn U, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư D - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (Bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của gia đình của bị cáo). Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức T:* Bà Hoàng Thị I, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư E - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng (Bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông H1, sinh năm 1946; trú tại: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 05 giờ 40 phút ngày 01-3-2019 tại đường Quốc lộ 3 thuộc xóm 4, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cao Bằng phát hiện và bắt quả tang 03 đối tượng: Phạm Đức T (sinh năm 1987; trú tại: Tổ 03, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Hà Tiến D (sinh năm 1974; trú tại: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và Phạm Thị H (sinh năm 1983; trú tại: Tổ 18, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 01 (một) gói Heroine có khối lượng 1,32g ở trong túi của H; 02 (hai) gói Heroine thu giữ trong xe ô tô có khối lượng là: 37,28g, trong đó, 01 (một) túi Heroine để trong bao thuốc lá màu xanh nhãn hiệu 555 đặt trong hộc đựng nước ở cửa bên ghế lái của xe ô tô mang Biển kiểm soát 98A-161.xx; 01 (một) gói Heroine tại vị trí cần số xe ô tô. Toàn bộ số Heroine trên do H, D và T mua với Đàm Thị B (sinh năm 1975; trú tại: Tổ 07, Phường Q, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên) với giá 29 triệu đồng.

Cùng ngày, cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của các đối tượng. Thu giữ: 01 (một) gói Heroine có khối lượng: 0,03g tại nhà của Phạm Đức T; 02 (hai) gói Methamphetamine có khối lượng 0,77g; 01 (một) bộ coóng để sử dụng ma túy đá; 01 (một) cân điện tử màu bạc không nhãn hiệu; 01 (một) cân

điện tử màu đen nhãn hiệu POCKET SCALE; 01 (một) chứng minh nhân dân của Hà Tiến D; số tiền 28.900.000đ; 01 (một) chứng minh nhân dân của Đàm Thị B; 01 (một) điện thoại di động Viettel, màu đen, IMEI1: 8641470355710xx, IMEI2: 8641470355710xx, lắp sim 0346.682.9xx. Tại nhà Phạm Thị H, cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã tiến hành trưng cầu giám định đối với vật chứng của vụ án. Tại bản Kết luận giám định số: 1176 ngày 14-3-2019 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an xác định: “Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine”. Bản Kết luận giám định số: 149/GĐMT ngày 31-5-2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cao Bằng xác định: “03 (ba) mẫu chất bột màu trắng bên trong 03 (ba) phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine”.

Mở rộng điều tra vụ án xác định được: Vào khoảng 11 giờ ngày 28-02-2019, Phạm Thị H lấy điện thoại của Hà Tiến D dùng phần mềm chỉnh giọng nói thành giọng nam giới để gọi điện thoại cho Đàm Thị B và nói: “Hôm nay anh xuống Thái Nguyên thăm bạn, lấy cho anh một ít”. Tới khoảng 13 giờ cùng ngày, H tiếp tục gọi điện cho B nói: “Anh đang xuống, lấy cho anh 29 triệu đồng”. Sau khi thỏa thuận xong, B bắt xe ôm đến khu vực bãi cát dưới chân cầu GB - thành phố N, tỉnh Thái Nguyên gặp một người phụ nữ khoảng 50 tuổi (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) hỏi mua 28 triệu đồng Heroine. B đưa tiền cho người phụ nữ này và đợi khoảng 05 phút sau thì người đó quay lại đưa cho B 01 gói ni lon màu đen chứa Heroine. Sau đó, B bắt xe ôm đi về đem cất giấu tại gốc cây trước cửa nhà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H rủ D xuống Thái Nguyên chơi, D đồng ý, cả hai đi mượn xe ô tô Biển kiểm soát 98A-161.xx của ông H1 (sinh năm 1946; trú tại: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) rồi qua đón T cùng xuống Thái Nguyên. Trên đường đi, H gọi điện thoại cho B nói: “Anh đang trên Cao Bằng xuống, gần đến nơi rồi”. Sau đó nói với D và T xuống Thái Nguyên thì đi thẳng vào nhà B để lấy “hàng”. Khoảng 01 giờ ngày 01-3-2019, T lái xe đến gần ngõ vào nhà B tại tổ 07, Phường Q, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên. H lấy 29 triệu đồng (tiền vay của bà Hoàng Thị N - sinh năm 1960; trú tại: Tổ 18, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đưa cho D và gọi điện cho B và nói: “Anh đến nơi rồi, mở cửa cho anh”. Tiếp đó, D và H bước bộ vào nhà B. D đi trước đến nhà B đợi khoảng hai phút thì B ra gặp và lấy gói Heroine đã cất giấu đưa cho D rồi nhận tiền, đóng cổng, quay vào nhà, còn D bước ra ngoài xe ô tô. Khi ở

trên xe, D đưa gói Heroine cho H, cả nhóm đi được khoảng 01- 02 km thì T dừng xe, H mở gói Heroine vừa mua, tách lấy một ít để cùng nhau sử dụng. Phần Heroine dùng không hết, T cất để ở vị trí cần số xe ô tô, H cất ở trong tất chân đang đi, còn gói Heroine D đưa, H gói lại như cũ và bỏ vào bao thuốc lá 555 rồi đưa cho T để ở hộc cánh cửa bên lái xe. Sau đó, T lái xe đi về tới đoạn đường Quốc lộ 3, khu vực xóm 4, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ.

Về nguồn gốc 0,77g Methamphetamine cơ quan điều tra thu giữ được khi khám xét nơi ở của Hà Tiến D là do D nhờ một người bạn trước đây cai nghiện cùng (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) mua hộ với giá 500.000đ tại chợ huyện K, tỉnh Cao Bằng. Số ma túy này D cất giấu ở nhà để sử dụng cho bản thân.

Tại bản Cáo trạng số: 32/CTr-VKSCB(P1) ngày 16-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Phạm Thị H, Đàm Thị B, Phạm Đức T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hà Tiến D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị H khai: Vào khoảng 11 giờ ngày 28-02-2019, tôi lấy điện thoại của Hà Tiến D dùng phần mềm chỉnh giọng nói thành giọng nam giới để gọi điện thoại cho Đàm Thị B và nói: “Hôm nay anh xuống Thái Nguyên thăm bạn, lấy cho anh một ít”. Tới khoảng 13 giờ cùng ngày, tôi tiếp tục gọi điện cho B nói: “Anh đang xuống, lấy cho anh 29 triệu đồng”. Khoảng 20 giờ ngày 28-2-2019, Phạm Thị H cùng Hà Tiến D và Phạm Đức T đi từ Cao Bằng đến thành phố N để mua ma túy với một người phụ nữ tên là B. Sau khi nhận được ma túy, H, D và T đã mang số ma túy nêu trên ra sử dụng một phần. Sau đó, khi đang trên đường trở về gần đến thành phố C thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, số tiền 29 triệu đồng để mua ma túy là của một mình bị cáo còn D và T chỉ là đi cùng và cùng nhau sử dụng ma túy, bị cáo không trả công bằng tiền mặt cho D và T.

Bị cáo Hà Tiến D khai: Phạm Thị H và D có quan hệ tình cảm với nhau, khoảng 08 giờ tối ngày 28-2-2019, H tự lấy điện thoại của tôi gọi điện cho Đàm Thị B nhà ở Thái Nguyên để hỏi mua ma túy, Sau đó, D rủ T đi cùng D, H để giúp lái xe xuống Thái Nguyên mua ma túy. Khoảng 01 giờ sáng thì đến nhà của B, sau khi H đưa tiền cho B thì B đưa cho H 01

gói Heroine đựng trong túi ni lon màu đen. Trên đường trở về đến một trạm thu phí đường tránh Quốc lộ 3 thì các bị cáo đã dừng xe để sử dụng ma túy. Số ma túy còn thừa H đưa cho T cho vào bao thuốc lá hiệu 555 cất ở hộc cửa xe, khi về đến km10 đường Cao Bằng đi Hà Nội thì xe của D bị cơ quan chức năng kiểm tra và phát hiện số ma túy nêu trên. Đối với chiếc xe ô tô Daewoo, BKS: 97A.161.xx do bị cáo mượn của bố đẻ là ông H1, khi mượn bị cáo nói với ông H1 là đi chơi, việc bị cáo mua bán ma túy ông H1 hoàn toàn không biết gì.

Bị cáo Đàm Thị B khai: Khoảng 11 giờ trưa ngày 28-2-2019, có D gọi điện cho bị cáo và nói sẽ xuống thăm bạn ở Thái Nguyên và nhờ B mua Heroine hộ với số tiền là 29 triệu đồng thì B nhận lời. Sau đó, B bắt xe ôm đi đến bãi cát cầu GB, thành phố N gặp một người phụ nữ khoảng 50 tuổi để hỏi mua ma túy, khoảng 05 phút sau, người phụ nữ này sau khi nhận tiền đã giao cho B 01 túi ni lon màu đen có chứa Heroine. Đến gần 01 giờ sáng ngày 01-3-2019, D đến và lấy ma túy và trả cho B số tiền là 29 triệu đồng.

Bị cáo Phạm Đức T Khai: Khoảng 21 giờ ngày 28-2-2019, khi T đang ở nhà thì có D gọi điện thoại rủ đi Thái Nguyên chơi. Sau đó, D và H đi ô tô đến đón T. Khi đến khu vực đèo X thì cả ba xuống xe nghỉ ngơi và sử dụng ma túy bằng hình thức tiêm chích, ma túy là do H đưa cho. Khi đến thành phố N thì H và D xuống xe đi mua ma túy còn bị cáo thì ngồi ở trên xe đợi. Khoảng 15 phút sau thì D và H quay lại xe, đi được một đoạn thì D bảo dừng xe ăn đêm, ăn đêm xong thì H có đem gói Heroine mới mua được ra chia cho mỗi người một ít để sử dụng. Phần còn lại H bảo T cho vào bao thuốc 555 cất ở hộc cửa bên ghế lái. Trên đường từ Thái Nguyên trở về, đến km 9, đường Cao Bằng đi Hà Nội thì bị cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện số ma túy nói trên. Việc bị cáo đưa D và H đi mua ma túy thì bị cáo được hưởng lợi bằng các sử dụng Heroine miễn phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H1 khai: Ông H1 là bố đẻ của bị cáo Hà Tiến D. Khoảng 17 giờ ngày 28-2-2019, D mượn xe ô tô Daewoo Nubira II mang biển kiểm soát 97A-161.xx của ông đi chơi đâu không rõ. Sáng ngày 01-3-2019, ông được cơ quan chức năng thông báo con ông là D đã bị bắt do có hành vi mua bán ma túy, chiếc xe thuộc sở hữu của ông đã bị tạm giữ. Bản thân ông H1 không biết việc D mượn xe ô tô của mình đi đâu và làm gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe ô tô nêu trên cho ông.

Kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Phạm Thị H, Đàm Thị B, Phạm Đức T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hà Tiến D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Thị H từ 16 đến 18 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hà Tiến D: 15 đến 16 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; 01 đến 02 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Hà Tiến D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 16-18 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đàm Thị B từ 16 đến 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2017/HSST ngày 27-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo: 16 (mười sáu) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Đàm Thị B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 15 đến 16 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì mặt trước ghi “Vật chứng 01 quả tang vụ Hà Tiến D, sn 1974 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) phong bì ghi “Vật chứng khám xét vụ Hà Tiến D, sn 1974 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) phong bì ghi “Vật chứng quả tang 02 vụ Phạm Thị H, sn 1983 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) bộ công dụng cụ sử dụng ma túy đá;

- 01 (một) cân điện tử màu bạc đã qua sử dụng, không nhãn hiệu;
- 01 (một) cân điện tử màu đen, nhãn hiệu POCKET SCALE;

***Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với Đàm Thị B:** Số tiền 28.900.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng). Xác nhận số tiền trên được để trong 01 (một) phong bì tiền NHNN Việt Nam: 28.900.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) đã niêm phong có dấu của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Cao Bằng.

***Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:**

- Đối với Hà Tiến D - 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO, số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 8678160306373xx; imei: 8678160306373xx, lắp sim số 0377.587.xxx, không kiểm tra được đã niêm phong.

- Đối với Phạm Thị H 01 (một) điện thoại di động màu đỏ, nhãn hiệu WIKO, có số imei 3524810914381xx, kèm 01 sim.

*** Trả lại cho ông H1:**

- 01 (một) ô tô màu đen nhãn hiệu DAEWOO, loại xe NUBITA II, BKS: 98A-161.xx, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Vi Thanh Hòa, BKS: 98A-161.xx; số 3036xx.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định BKS: 98A-161-xx; số: KC7720529.

- 02 (hai) chìa khóa điện xe ô tô BKS: 98A-161.xx.

Đề nghị Hội đồng xét xử cần tịch thu những tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, hoàn trả những đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội cho các bị cáo.

Luật sư Trần Thị O bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H nhất trí với việc Viện kiểm sát truy tố Phạm Thị H về tội mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên cần xem xét trọng lượng ma túy trong vụ án này mới trên mức khởi điểm của điều luật; bị cáo là người sử dụng ma túy mục đích mua ma túy phục vụ bản thân; gia đình hoàn cảnh khó khăn, chồng chết có 02 con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình

phạt phù hợp, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo Phạm Thị H không có lời bào chữa bổ sung.

Luật sư Đinh Thị A bào chữa cho Hà Tiên D trình bày lời bào chữa: Việc truy tố D về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng và nhất trí; còn đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” không nhất trí, không có căn cứ bởi quá trình điều tra tại lời khai ngày 30/5/2019 bị cáo khai mục đích mua số ma túy thu giữa khi khám xét nơi ở bị cáo về để sử dụng và có ai mua sẽ bán; tại phiên tòa bị cáo khai nhận số ma túy thu giữa qua khám xét mục đích mua về để sử dụng và bán; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy, vai trò bị cáo trong vụ án là đồng phạm giúp sức; quá trình điều tra và tại phiên điều đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; có bố là ông H1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo Hà Tiên D không có lời bào chữa bổ sung.

Luật sư Bùi Văn U bào chữa cho bị cáo Đàm Thị B: Về cơ bản nhất trí với việc truy tố bị cáo Đàm Thị B về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo B chỉ là đồng phạm, người đi mua ma túy hộ D và chỉ được hưởng lợi số tiền rất nhỏ là 01 triệu đồng, trọng lượng ma túy trong vụ án này mới trên mức khởi điểm của điều luật. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, chồng nghiện ma túy, bà nội yếu. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị và hiện nay con bị cáo mới 24 tháng tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo được tại ngoại để chăm sóc con. Bị cáo Đàm Thị B bào chữa bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Hoàng Thị I bào chữa cho bị cáo Phạm Đức T: Nhất trí với tội danh, áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo T tham gia mua bán Heroine với vai trò đồng phạm giúp sức, chỉ là người lái xe giúp H và D, lúc đầu không biết mục đích của H và D đi Thái Nguyên khi đến Đèo X mới biết đi Thái Nguyên mua ma túy; bản thân bị cáo là người nghiện ma túy mục đích lái xe cho H và D cũng chỉ để được sử dụng ma túy. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét vai trò bị cáo, trọng lượng ma túy xử bị cáo

Phạm Đức T mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo Phạm Đức T không có lời bào chữa bổ sung.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị H, Hà Tiến D, Đàm Thị B, Phạm Đức T và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Thị H, Hà Tiến D, Đàm Thị B, Phạm Đức T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Cao Bằng lập hồi 07 giờ 00 phút ngày 01 tháng 3 năm 2019 thu giữ 37,8 gam Heroine trên xe ô tô của Hà Tiến D; Biên bản khám xét khẩn cấp ngày 01-3-2019 tại nhà ở của Hà Tiến D; Biên bản khám xét ngày 01-3-2019 tại nhà ở của Phạm Đức T; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định do cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 01/3/2019; bản Kết luận giám định số: 149/GDDMT ngày 31-5-2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự- Công an tỉnh Cao Bằng. Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 28-02-2019, Phạm Thị H gọi điện thoại cho Đàm Thị B đặt mua 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng) Heroine. B đồng ý và đi ra cầu GB, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên mua 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) Heroine với một người phụ nữ không quen biết mang về cất giấu ở gốc cây trước cửa nhà. D mượn xe ô tô Biển kiểm soát 98A-161.xx của bố rồi cùng H đón T đi xuống Thái Nguyên để lấy Heroine. Khi đến nhà B khoảng 01 giờ ngày 01-

3-2019, D nhận gói Heroine với B và đưa B số tiền 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng). Sau đó, D ra xe cùng H, T đi về Cao Bằng, đi được khoảng 02 km thì cùng nhau sử dụng ma túy rồi tiếp tục đi về Cao Bằng, đến đoạn đường Quốc lộ 3, khu vực xóm 4, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ và lập biên bản phạm pháp quả tang. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận Phạm Thị H, Hà Tiến D, Đàm Thị B và Phạm Đức T đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng là 38,60 gam (ba tám phẩy sáu mươi gam).

Đối với hành vi Tàng trữ trái phép 0,77g (không phẩy bảy bảy gam) Methamphetamine của Hà Tiến D: Lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra không đồng nhất về mục đích tàng trữ số ma túy trên; tại lời khai ngày 01/3/2019 bị cáo khai nhận bị cáo là người sử dụng ma túy, mục đích mua ma túy là để bản thân sử dụng; tại biên bản hỏi cung ngày 4/3/2019 bị cáo khai mua số ma túy trên về sử dụng và có ai hỏi thì bán, chưa ai hỏi; tại biên bản hỏi cung ngày 25/4/2019 bị cáo khai mua ma túy trên để sử dụng cho bản thân, nếu ai hỏi mua thì không bán vì tôi mua về để sử dụng; tại biên bản hỏi cung ngày 30/5/2019 bị cáo khai mua ma túy để sử dụng và nếu ai hỏi thì bán; tại phiên tòa bị cáo khai tàng trữ số ma túy 0,77g (không phẩy bảy bảy gam) Methamphetamine là để bản thân sử dụng, có ai hỏi thì bán nhưng chưa ai hỏi. Căn cứ vào lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vào Biên bản khám xét khẩn cấp ngày 01-3-2019 tại nhà ở của Hà Tiến D; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định do cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 01/3/2019; bản Kết luận giám định số: 1176 ngày 14-3-2019 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an. Do vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi Tàng trữ trái phép 0,77g (không phẩy bảy bảy gam) Methamphetamine của Hà Tiến D với mục đích để sử dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Phạm Thị H, Hà Tiến D, Đàm Thị B, Phạm Đức T đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, động cơ, mục đích vụ lợi bản thân; hành vi đó xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Phạm Thị H, Hà Tiến D, Đàm Thị B, Phạm Đức T đều về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hà Tiến D về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 là có căn cứ pháp luật.

Xét luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Hà Tiến D là không có căn cứ chấp nhận.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, do các bị cáo Phạm Thị H, Hà Tiến D, Đàm Thị B, Phạm Đức T thực hiện. Hành vi của các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, mua bán trái phép chất ma túy với số lượng lớn, hành vi phạm tội của các bị cáo đã đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

Xét vai trò của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Phạm Thị H là người giữ vai trò chính, chủ mưu trong vụ án, là người gọi điện trao đổi thỏa thuận, bỏ số tiền mua ma túy với bị cáo Đàm Thị B và là người rủ rê bị cáo D, T đi mua ma túy.

- Bị cáo Hà Tiến D với vai trò đồng phạm, giúp sức tích cực trong vụ án, khi H rủ đi xuống nhà bị cáo B để mua ma túy D đồng ý, thông qua D, H mới biết bị cáo B, bị cáo là người chuẩn bị phương tiện là xe ô tô; là người trực tiếp đưa tiền và nhận ma túy từ B. Mục đích D đồng ý mua ma túy cùng H để H trả công cho D bằng việc đưa ma túy cho sử dụng.

- Bị cáo Phạm Đức T là người giữ vai trò đồng phạm giúp sức, khi H rủ đi Thái Nguyên để mua ma túy bị cáo đồng ý, bị cáo là người lái xe đưa bị cáo H và D xuống Thái Nguyên để mua ma túy, được H trả công bằng cách cho ma túy để sử dụng.

- Bị cáo Đàm Thị B là người giữ vai trò đồng phạm, tham gia tích cực trong vụ án, là người cung cấp ma túy cho các bị cáo khi được H gọi điện đặt mua ma túy, bị cáo là người ứng tiền đi mua ma túy, là người trực tiếp giao dịch nhận tiền và đưa ma túy cho D.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tất cả các bị cáo đều có nhân thân xấu, các bị cáo đều có tiền án liên quan đến ma túy; các bị cáo H, D, B đều là đối tượng sử dụng ma túy; bị cáo B không sử dụng ma túy nhưng do hám lời phạm tội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đàm Thị B, đang trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt 16 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số: 26/2017/HSST ngày 2/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên do bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xét thấy hành vi của bị cáo là “Tái phạm nguy hiểm” nên bị cáo Đàm Thị B phải chịu có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 2 điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 2 bản án đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Phạm Thị H, Hà Tiến D và Phạm Đức T: Các bị cáo là những người đã từng có thời gian phải đi chấp hành hình phạt tù do thực hiện tội phạm về ma túy, đến nay chưa được xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Hà Tiến D, Phạm Đức T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là “tái phạm”; bị cáo Phạm Thị H phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là “tái phạm nguy hiểm”.

Ngoài các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên thì bố của bị cáo Hà Tiến D là ông H1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba nên cho bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy cần xử phạt các bị cáo Phạm Thị H, Hà Tiến D, Đàm Thị B và Phạm Đức T mức hình phạt nghiêm khắc mới có thể giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời đảm bảo tính răn đe riêng và phòng ngừa chung.

Xét đề nghị của người bào chữa xử các bị cáo hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Liên quan đến vụ án có đối tượng Đàm Thị R (sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: phường L, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên) là chị gái của Đàm Thị B. H khai đã mua ma túy với R 03 lần; ngày 28/02/2019 H gọi điện thoại cho R để mua ma túy nhưng không được nên mới liên lạc với B. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng Đàm Thị R không có mặt tại địa phương, R đi đâu,

làm gì không ai biết. Hiện nay cơ quan điều tra vẫn đang tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Đàm Thị B tại khu vực bãi cát dưới chân cầu GB, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên và người đàn ông mua hộ ma túy đá cho Hà Tiến D tại huyện K, tỉnh Cao Bằng; D và B đều không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo trong vụ án đều nghiện ma túy, có nghề nghiệp là lao động tự do hoặc không có nghề, nghề nghiệp không ổn định nên xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Việc xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì mặt trước ghi “Vật chứng 01 quả tang vụ Hà Tiến D, sn 1974 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) phong bì ghi “Vật chứng khám xét vụ Hà Tiến D, sn 1974 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) phong bì ghi “Vật chứng quả tang 02 vụ Phạm Thị H, sn 1983 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) bộ coóng dụng cụ sử dụng ma túy đá;

- 01 (một) cân điện tử màu bạc đã qua sử dụng, không nhãn hiệu;

- 01 (một) cân điện tử màu đen, nhãn hiệu POCKET SCALE;

****Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với Đàm Thị B:*** Số tiền 28.900.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng). Xác nhận số tiền trên được để trong 01 (một) phong bì tiền NHNN Việt Nam: 28.900.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) đã niêm phong có dấu của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Cao Bằng.

**** Trả lại cho ông H1:***

- 01 (một) ô tô màu đen nhãn hiệu DAEWOO, loại xe NUBITA II, BKS: 98A-161.xx, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Vi Thanh Hòa, BKS: 98A-161.xx; số 3036xx.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định BKS: 98A-161-xx; số: KC7720529.

- 02 (hai) chìa khóa điện xe ô tô BKS: 98A-161.xx.

Ngoài ra cần tịch thu những tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, hoàn trả những đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội cho các bị cáo.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo Phạm Thị H, Đàm Thị B, Hà Tiến D, Phạm Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị H, Đàm Thị B, Phạm Đức T phạm tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

Bị cáo Hà Tiến D phạm tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”* và *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Thị H 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 01/3/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hà Tiến D 15 (mười lăm) năm tù về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*; 01 (một) năm tù về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Hà Tiến D phải chấp hành cho cả hai tội là: 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 01/3/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đàm Thị B 16 (mười sáu) năm tù về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*. Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2017/HSST ngày 27-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo: 16 (mười sáu) năm tù về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*. Buộc bị cáo Đàm Thị B phải chấp hành

hình phạt chung của hai bản án là: 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 02-3-2019 và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam của bản trước từ ngày 04/01/2017 đến ngày 03/02/2017.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Đức T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 01/3/2019.

2. Việc xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

****Tịch thu tiêu hủy:***

- 01 (một) phong bì mặt trước ghi “Vật chứng 01 quả tang vụ Hà Tiến D, sn 1974 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) phong bì ghi “Vật chứng khám xét vụ Hà Tiến D, sn 1974 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) phong bì ghi “Vật chứng quả tang 02 vụ Phạm Thị H, sn 1983 Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 01/3/2019”;

- 01 (một) bộ coóng dụng cụ sử dụng ma túy đá;

- 01 (một) cân điện tử màu bạc đã qua sử dụng, không nhãn hiệu;

- 01 (một) cân điện tử màu đen, nhãn hiệu POCKET SCALE;

****Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với Đàm Thị B:*** Số tiền 28.900.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng). Xác nhận số tiền trên được để trong 01 (một) phong bì tiền NHNN Việt Nam: 28.900.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) đã niêm phong có dấu của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Cao Bằng.

****Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:***

- Đối với Hà Tiến D - 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO, số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 8678160306373xx; imei: 8678160306373xx, lắp sim số 0377.587.xxx, không kiểm tra được đã niêm phong.

- Đối với Phạm Thị H 01 (một) điện thoại di động màu đỏ, nhãn hiệu WIKO, có số imei 3524810914381xx, kèm 01 sim.

*** Trả lại cho bị cáo Hà Tiến D:**

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 085057xxx mang tên Hà Tiến D;
- 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Hà Tiến D số: 0101186192xxx.
- 01 (một) giấy mua bán xe viết bằng tay màu mực xanh, đề ngày 10/11/2018, người mua: Hà Tiến D, người bán Vi Thanh H.
- 01 (một) điện thoại màu đen, nhãn hiệu ITEL, số imei2: 3519801041729xx, kèm 01 sim.

*** Trả lại cho ông H1:**

- 01 (một) ô tô màu đen nhãn hiệu DAEWOO, loại xe NUBITA II, BKS: 98A-161.xx, không kiểm tra chi tiết bên trong.
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Vi Thanh Hòa, BKS: 98A-161.xx; số 3036xx.
- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định BKS: 98A-161-xx; số: KC7720529.
- 02 (hai) chìa khóa điện xe ô tô BKS: 98A-161.xx.

*** Trả lại cho bị cáo Phạm Thị H:**

- 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị H, số 0411770015xx.
- 01 (một) điện thoại di động màu xám, nhãn hiệu WIKO có số imei1: 3595700954974xx/xx.

*** Trả lại cho bị cáo Đàm Thị B:**

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 091850xxx mang tên Đàm Thị B.
- 01 (một) điện thoại di động VIETTEL màu đen, có số imei: 8641470355710xx và imei2: 86414703557xx, kèm 01 sim.

*** Trả lại cho bị cáo Phạm Đức T:**

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA, có số IMEL theo Quyết định chuyển vật: 35696300000xxxxx và imei2: 356963000xxxxx, lắp sim 0856.722.xxx và 0971.508.xxx, kiểm tra thực tế sau nắp máy có số IMEL: 355236030379xxx.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 49 ngày 23 tháng 7 năm 2019.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thị H, Đàm Thị B, Hà Tiến D, Phạm Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Thị H, Đàm Thị B, Hà Tiến D, Phạm Đức T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông H1 có quyền kháng cáo phần bản án hình sự sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Trại giam CA Cao Bằng;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa